

TÒA ÁN NHÂN DÂN
Huyện Na Rì - tỉnh Bắc Kạn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2018/HS-ST
Ngày 08-8-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA RÌ - TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Xuân Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thế Tuấn và bà Hoàng Thị Tháo

-Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Luân, là thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đức, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2018/TLST- HS, ngày 22 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2018 đối với bị cáo:

Nông Thị Lan H, sinh ngày 08 tháng 4 năm 1975, tại: C, Bắc Kạn; nơi cư trú: tổ 16, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; tạm trú tại: Tổ 3, thôn M, xã T, huyện S, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nông Minh H (đã chết) và bà Ma Thị Đ; lấy chồng lần một là: Thái Kim L (đã ly hôn), lần hai là: Nông Lương H (đã ly hôn) và 03 con; tiền sự: Không; tiền án: Ngày 24/12/2014 bị Tòa án nhân dân thị xã B kết án về "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tuyên phạt 30 tháng tù treo, thời gian thử thách 05 năm; bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Bị hại: Ông Hà Thế V, sinh năm 1945; trú tại: Thôn NĐ, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (có mặt).

- Người làm chứng:

1. Anh Hà Văn K, sinh năm 1978(vắng mặt);

2. Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1980(vắng mặt);

3. Bà Dương Thị C, sinh năm 1947(vắng mặt);

Đều trú tại: Thôn NĐ, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Kạn

4. Ông Hoàng Văn L1, sinh năm 1962; trú tại: Thôn NT, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Kạn (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 4/2016, Nông Thị Lan H công tác tại Trung tâm giám định y khoa tỉnh Bắc Kạn, xem danh sách những người đã khám sức khỏe tại Trung tâm, để hưởng chế độ chất độc da cam, nhưng không đủ điều kiện; trong số đó có ông Hà Thế V trú tại: Thôn NĐ, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, H nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên đã tìm và gặp ông V.

Ngày 28/4/2016, do quen biết ông Hoàng Văn L1: Thôn NT, xã H, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, nên H vào nhà ông L1 nhờ đưa đến nhà ông V (lúc đó vào buổi trưa), có mặt bà C vợ ông V và anh K con trai ông V, H giới thiệu là cán bộ Trung tâm giám định Y khoa Bắc Kạn, H hỏi ông V "trước đây chú làm hồ sơ giám định chế độ chất độc màu da cam nhưng không được phải không", ông V trả lời "có đi khám nhưng không được", H nói "nếu chú có nhu cầu chạy xin chế độ chất độc da cam cháu lo giúp cho, tiền để chạy hết 10.000.000,đ, mỗi tháng chú được hưởng trợ cấp 2.700.000,đ," ông V tin nên đã đưa cho H 5.000.000,đ, để tạo lòng tin H viết giấy vay tiền của ông V với số tiền 10.000.000,đ, mục đích khi ông V đưa nốt số tiền còn lại, H không phải viết giấy lần nữa. Tối 28/4/2016, H gọi điện thoại cho ông V nói ra thành phố Bắc Kạn khám, khi đi đem theo số tiền còn lại ra cho H. Sáng ngày 29/4/2016, ông V cùng anh K ra thành phố Bắc Kạn, tại cổng Bệnh viện Đa khoa Bắc Kạn, ông V đưa cho H 5.000.000,đ, H dẫn ông V đi khám, xét nghiệm tại Phòng khám Đa khoa Thăng Long thuộc tổ 10, phường Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Bắc Kạn, sau khi khám xong ông V đưa kết quả cho H.

Khoảng 02 tuần sau, H gọi điện thoại bảo ông V ra Bệnh viện Đa khoa Bắc Kạn để khám lại.

Ngày 11/5/2016, ông V ra thành phố Bắc Kạn, H đưa ông V đến cổng Bệnh viện, ông V tự đi khám và đưa kết quả khám cho H, rồi H đưa ông V ra bến xe, H nói với ông V là "cứ về nhà đợi".

Khoảng 02 tháng sau, H gọi điện thoại bảo ông V đi khám, xét nghiệm tại Trung tâm y tế huyện N, ngày 02/6/2016 ông V đi khám rồi thông báo kết quả cho H. Khoảng 02 tháng sau H gọi điện thoại nói với ông V là "trường hợp của chú hơi khó, chú đưa thêm cho cháu 5.000.000,đ nữa để cháu lo", ban đầu ông V không đồng ý, nhưng sau đó đã đồng ý, H bảo ông V mang tiền ra thành phố Bắc Kạn cho H, nhưng ông V không đi được, nên H nói cứ gửi ở nhà ông L1, sáng hôm sau (không rõ ngày, tháng) H vào nhà ông L1, anh K trực tiếp đưa cho H 5.000.000,đ không viết giấy tờ gì có anh Hoàng Văn L (con rể ông V) và ông L1 chứng kiến. Khoảng 01 tuần sau H gửi cho ông V 01 quyển sổ khám, chữa bệnh và bảo ông V đi khám lại

tại Trung tâm y tế huyện N, khoảng tháng 8 năm 2016, ông V tiếp tục đi khám tại Trung tâm Y tế huyện N, sau đó ông V nhờ anh K gửi quyền sở hữu trên cho ông L1, để ông L1 nhờ con gái ông L1 là chị Hoàng Thị Oanh mang ra cho H.

Đầu năm 2017, H hẹn ông V đến khoảng tháng 8 năm 2017 sẽ biết kết quả. Đến tháng 8/2017 H báo: Trường hợp của ông V không được hưởng chế độ và sẽ trả lại tiền cho ông V. Thời gian sau, xem truyền hình ông V biết H bị Công an huyện B, tỉnh Bắc Kạn bắt về hành vi lừa đảo, nên đã gửi đơn trình báo đến Công an huyện N để làm rõ.

Trong quá trình điều tra, H đã thừa nhận: Do gặp khó khăn về kinh tế, nên H đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của ông V, với tổng số tiền là: 15.000.000,đ (mười năm triệu đồng), nhận làm ba lần: Lần một vào ngày 28/4/2016 nhận tại nhà ông V: 5.000.000,đ; lần hai vào ngày 29/4/2016 nhận 5.000.000,đ tại cổng Bệnh viện Đa khoa Bắc Kạn (cả hai lần đều do ông V trực tiếp đưa); lần ba nhận 5.000.000,đ sau lần một khoảng 2 tháng: tại nhà ông L1 do con trai ông V là anh Hà Văn K đưa, nhưng không nhớ cụ thể ngày, tháng. Sau khi nhận được tiền, H không đưa cho ai, không tác động đến ai để làm thủ tục cho ông V, mà sử dụng để chi tiêu cá nhân hết.

Ngoài thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của ông V, cũng với thủ đoạn như trên, H còn thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của người khác ở huyện Bạch Thông và ở thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. H đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện B, tỉnh Bắc Kạn và Cơ quan Cảnh sát điều tra Thành phố Bắc Kạn khởi tố bị can về "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Số tiền 15.000.000,đ là vật chứng vụ án, H đã tiêu xài cá nhân hết, nên không thu giữ được.

Tại bản cáo trạng số: 16/CT-VKS-NR ngày 22/6/2018, của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn, truy tố bị cáo về: "Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên toà: Đại diện viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo cáo trạng. Đề nghị HĐXX Tuyên bố: Nông Thị Lan H phạm "Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm p khoản 1, 2 Điều 46/BLHS, điểm g khoản 1 Điều 48/BLHS năm 1999, xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù. Áp dụng Điều 51/BLHS năm 1999 tổng hợp với hình phạt 42 tháng tù tại bản án số 17/2018/HS-ST ngày 29/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 54 đến 57 tháng tù; trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46 BLHS, Điều 584, 585, 586, 589 BLDS: Buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 15.000.000,đ cho ông V.

Tại phiên tòa: Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã chiếm đoạt, còn về hình phạt đề nghị xét xử theo pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện N, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và cùng đề nghị xét xử vắng mặt những người làm chứng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều là hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Năm 2016, Nông Thị Lan H đang công tác tại Trung tâm Giám định y khoa tỉnh Bắc Kạn, biết ông Hà Thế V đã làm thủ tục để hưởng chế độ chất độc da cam nhưng không được, nên H đã chủ động tiếp cận, gặp gỡ ông V, bằng hành vi gian dối mạo nhận: Bản thân có khả năng lo chạy thủ tục, để hưởng chế độ da cam, làm cho ông V tin và giao số tiền: 15.000.000,đ (mười năm triệu đồng) để H chiếm đoạt sử dụng, chi tiêu cá nhân.

Tại Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định: "*1, Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm*".

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an ở địa phương, gây dư luận xấu trong xã hội. Hội đồng xét xử kết luận: Nông Thị Lan H phạm "Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

[3] Nhân thân của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Nhân thân: Bị cáo có 01 tiền án, tại bản án số 14/2014/HS-ST ngày 24/12/2014, Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Bắc Kạn xử phạt bị cáo 30 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án về "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản", đang trong thời gian thử thách, bị cáo lại bị xét xử về tội mới, tại bản án số

17/2018/HS-ST ngày 29/6/2018, Tòa án nhân dân thành phố B, xử phạt bị cáo 12 tháng tù về "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; tổng hợp với hình phạt 30 tháng tù cho hưởng án treo tại bản án số 14/2014/HS-ST ngày 24/12/2014, Tòa án nhân dân thị xã B, do phạm tội mới trong thời gian thử thách; buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 42 tháng tù.

Ngoài ra, bị cáo còn thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của người khác ở huyện B, tỉnh Bắc Kạn, đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B, tỉnh Bắc Kạn khởi tố về "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

-Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46/BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; bị cáo có mẹ đẻ là bà Ma Thị Diễm, năm 2000 được Ủy ban quốc gia dân số và kế hoạch hóa gia đình tặng Huy chương vì sự nghiệp dân số; năm 1993 được Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam tặng Huy chương " Vì sự nghiệp xây dựng tổ chức công đoàn", nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46/BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; về tình tiết tăng nặng: Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999 đó là: "Tái phạm".

[4]. Đánh giá về quan điểm truy tố, đề nghị của Viện kiểm sát: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tại phiên tòa giữ nguyên Quyết định truy tố như nội dung bản Cáo trạng, quan điểm của Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật. Mức hình phạt của Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù. Áp dụng Điều 51/BLHS tổng hợp hình phạt với bản án số 17/2018/HS-ST ngày 29/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, buộc bị cáo phải chấp hành chung hình phạt của 02 bản án là có căn cứ.

[5] Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có nhân thân xấu; nguyên là cán bộ công tác tại Trung tâm Giám định y khoa tỉnh Bắc Kạn, có nhận thức về xã hội và pháp luật, nhưng coi thường pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội có hệ thống, nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo, mới đảm bảo việc răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người không có nghề nghiệp, không có thu nhập, không có tài sản khó cho việc thi hành án, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Hà Thế V yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 15.000.000,đ (mười năm triệu đồng) đã chiếm đoạt là có căn cứ.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Tuyên bố: bị cáo Nông Thị Lan H phạm: "Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

[2] Áp dụng: khoản 1 Điều 139, điểm p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 51 c/BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Xử phạt: Nông Thị Lan H 12 tháng tù về "Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Áp dụng Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, tổng hợp hình phạt 42 tháng tù tại Bản án số: 17/2018/HS-ST ngày 29/6/2018 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; buộc bị cáo phải chấp hành chung cho cả hai bản án là 54 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

[3] Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585 và Điều 589 của Bộ luật dân sự; buộc bị cáo phải bồi thường số tiền: 15.000.000,đ (mười năm triệu đồng) cho ông Hà Thế V do đã chiếm đoạt.

Việc thi hành án khoản tiền trên được thực hiện theo Điều 357 của Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000,đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 750.000,đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng tiền án phí sơ thẩm bị cáo phải chịu là: 950.000,đ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện(02b);
- TA tỉnh(01b);
- CA huyện(02b);
- Bị cáo(01b);
- Người bị hại(01b);
- THA dân sự(01b);
- THA hình sự(01b);
- Hồ sơ CA huyện(01b);

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

-Sở Tư pháp tỉnh (01b);
-Lưu hồ sơ vụ án;
-CT phiên tòa(01b);
-Lưu TA.